TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2017/DS-ST
Ngày 10-01-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
2. Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân– Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

- Đại diện VKS nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:*Không có.*

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST-DSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản'' theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* Bà **Đoàn Thị P** - Sinh năm: 1974. HKTT: Tổ 45 Phường A, Quận S, TP. Đà Nẵng. Hiện trú tại: Lô 37-B8 đường B, Quận N, TP. Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn : Ông **Trần Phước B**, sinh năm: 1971, (Có mặt). Địa chỉ: Tổ 54 Phường H, Quận N, TP. Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 09/10/2017, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm: 1965, (Có mặt). Địa chỉ : Tổ 61 Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Ngọc D,** sinh năm 1971, HKTT: Tổ 45 Phường A, Quận S, TP. Đà Nẵng. Hiện trú tại: Lô 37-B8 đường B, Quận N, TP. Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2017nộp cho Tòa án nhân dân quận Sơn Trà ngày 06/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phước B trình bày: Vào ngày 13 tháng 02 năm 2012 bà Đoàn Thị P cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 200.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ hoàn trả nhưng cho đến nay bà Nguyễn Thị L chưa thanh toán được số tiền nợ này. Sau khi mượn tiền, bà L không trả một lần theo yêu cầu của nguyên đơn mà trả góp hàng ngày với tổng số tiền là 11.135.000đ (Mười một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra bà L không trả đồng nào cho khoản nợ 200.000.000đ này nữa. Nay tôi yêu cầu bà L phải trả cho số tiền đã mượn của bà P là 200.000.000đồng - 11.135.000đồng = **188.865.000 đồng** và tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Qua mối quan hệ xã hội quen biết thì vào năm 2012 tôi có mượn của chị Đoàn Thị P số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay mượn tôi có viết giấy mượn tiền vào ngày 13/02/2012 và hẹn 01 tháng sau sẽ trả số tiền trên. Sau đó nhiều lần tôi đã trả nợ cho bà P bằng hình thức trả góp và trả trực tiếp cho bà P và ông D (chồng bà P). Khi trả không viết giấy tờ nên tôi xác nhận số tiền 200.000.000 đồng tôi đã trả xong. Sau đó tôi có mượn của bà P 100.000.000 đồng và cũng đã trả góp. Do đó, đối với số tiền 200.000.000 đồng tôi đã trả xong cho bà P (khi trả không có giấy tờ), đối với số tiền 100.000.000 đồng tôi còn nợ của bà P: (100.000.000 đồng - 80.000.000 đồng - 11.135.000 đồng) = **8.865.000 đồng.** Tuy nhiên do việc trả nợ của tôi không có tài liệu chứng minh nên tôi chấp nhận tôi còn nợ bà P số tiền **188.865.000 đồng** theo yêu cầu khởi kiện của bà P. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế của tôi khó khăn, tôi đề nghị tòa án án xem xét cho tôi trả dần mỗi tháng 500.000đồng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc D trình bày: Vào tháng 3/2012, tôi có đến nhà bà Nguyễn Thị L nhận số tiền **80.000.000đ** (Tám mươi triệu đồng chẵn) của bà L trả nợ cho vợ tôi Đoàn Thị P, vì lý do vợ tôi lúc đó đi du lịch không về được nên tôi đứng ra nhận giúp. Số tiền này là tiền của bà L trả nợ cho vợ tôi đối với khoản nợ 100.000.000 đồng mà bà L nợ của vợ tôi. Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng mà vợ tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo tôi được biết bà L chưa trả tiền đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông D theo quy định pháp luật.

[2]Xét về mặt nội dung: Qua mối quan hệ chị em quen biết với nhau vào tháng 02/2012 bà Đoàn Thị P có cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 200.000.000đ, khi vay mượn tiền bà Nguyễn Thị L có viết giấy mượn tiền, thời gian thỏa thuận mượn là 1 tháng bà L sẽ thanh toán lại số tiền nợ nêu trên. Bà P và bà L không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi vay mượn tiền bà Nguyễn Thị L không trả tiền theo thỏa thuận mà có trả góp hằng ngày được tổng số tiền : 11.135.000đ. Do đó tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phước B thay đổi nội dung khởi kiện. Ông B yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Đoàn Thị P số tiền 188.865.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà Nguyễn Thị L thừa nhận có vay mượn tiền của bà P nhiều lần và bà L xác nhận vào tháng 02/2012 bà L có mượn của bà P số tiền 200.000.000đ, sau đó 01 tháng bà L đã trả cho bà P số tiền vay 200.000.000đ này nhưng do tin tưởng không xé giấy nợ. Sau khi trả xong khoản nợ 200.000.000đ bà L tiếp tục viết giấy mượn tiền của bà P số tiền 100.000.000đ và bà L cũng đã trả tiền nợ đối với khoản tiền nợ 100.000.000đ ngày cho bà P, cụ thể là trả cho ông Trần Ngọc D chồng bà P số tiền 80.000.000đ và trả góp hằng ngày cho bà P được số tiền 11.135.000đ nên theo bà L bà chỉ còn nợ bà P số tiền **8.865.000 đồng.** Tuy nhiên, do chị em tin tưởng nhau nên khi trả khoản tiền nợ 200.000.000đồng bà L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ của mình nên tại phiên tòa hôm nay bà L chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L xác nhận còn nợ bà P số tiền 188.865.000đồng và do điều kiện kinh tế của bà L hiện nay quá khó khăn, bà L xin trả dần cho bà P mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc bà Nguyễn Thị L vay mượn của bà Đoàn Thị P số tiền 200.000.000đ là có thật. Thời hạn bà L thỏa thuận trả tiền cho bà P là 01 tháng nhưng từ tháng 03/2012 đến nay bà L chưa trả tiền xong cho bà P. Việc bà L khai nại đã trả cho chồng bà P số tiền 80.000.000đ là có nhưng số tiền 80.000.000đ này ông Trần Ngọc D xác nhận bà L trả nợ cho khoản tiền vay 100.000.000đ, ông D có cung cấp được giấy mượn số tiền 100.000.000đ do bà L việt mượn tiền nên không thể xem xét số tiền 80.000.000đ mà bà L giao cho ông D là tiền bà L trả nợ cho khoản tiền 200.000.000đ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không cung cấp được tại liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả khoản tiền 200.000.000đ nên HĐXX không đủ cơ sở để xác định bà L đã trả cho bà P số tiền 200.000.000đ. Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa mặc dù giữa các bên có mâu thuẫn nhau về thời gian mượn khoản tiền 100.000.000đ (ông B xác định mượn trước, bà L xác định mượn sau, giấy mượn tiền không ghi ngày tháng năm) nhưng bà L xác nhận là thực tế bà có mượn 02 khoản tiền riêng biệt nên việc ông B yêu cầu bà L trả khoản tiền 200.000.000đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn thừa nhận số tiền bà L trả góp hằng ngày tính tổng cộng được 11.135.000đ và tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông B chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền 188.865.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Đoàn Thị P số tiền 188.865.000 đồng. Việc bà L xin trả dần mỗi tháng 500.000đ

cho đến khi trả xong nợ không được ông B đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Đoàn Thị P đối với bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

* Xử: Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị P số tiền 188.865.000 đồng(Một trăm tám mươi tám triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Án phí DSST: bà Nguyễn Thị L phải chịu 9.443.250 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 0001976 ngày 12/10/2017 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10-01-2018. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Sơn Trà;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Mỹ Dung